

Viện khoa học xã hội việt nam

Viện triết học

đại học quốc gia hà nội

Trường Đại học KHXH & NV



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Đoàn kết xã hội ở việt nam hiện nay

Hà Nội, 2009

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. Phạm Văn Đức

Phản biện 1: PGS.TS. Dương Văn Thịnh

Phản biện 2: TS. Nguyễn Đình Hoà

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn Thạc
sỹ tại Viện Triết học - 59 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội.

Vào hồi..... giờ.....ngày.....tháng.....năm 2009

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Triết học

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cùng quá trình mở cửa, hội nhập thế giới với quy mô ngày càng rộng lớn và mức độ ngày càng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó, nổi bật nhất là những hoạt động hợp tác, liên doanh trong lĩnh vực kinh tế theo xu thế toàn cầu hóa, dẫn đến những biến động, phân hóa giữa các giai tầng trong xã hội theo những thái cực khác nhau. Mặt khác, sự phát triển bùng nổ của cách mạng khoa học và công nghệ đã mang lại những cơ hội phát triển cho đất nước; đồng thời cũng đặt ra cho xã hội chúng ta trước những thách thức và hàng loạt những vấn đề với mức độ gay gắt ngày càng tăng: vấn đề phân hóa giàu - nghèo; vấn đề tham nhũng, vấn đề đói nghèo và nạn thất nghiệp... Mặt khác, chiến lược diễn biến hòa bình của kẻ thù tiếp tục được đẩy mạnh hòng gây chia rẽ giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân, giữa các cộng đồng dân tộc, giữa người Việt Nam ở trong nước với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, giữa đồng bào các tôn giáo với nhau,...

Đứng trước những thuận lợi và khó khăn, thử thách đó, vấn đề đặt ra là, trong điều kiện đất nước hòa bình và mở cửa hội nhập, làm thế nào để phát huy vai trò động lực của đoàn kết xã hội đối với sự phát triển của đất nước. Xâu chuỗi những nội dung trên, chúng ta thấy có vấn đề liên quan đến đoàn kết xã hội. Vì vậy, có thể nói, việc nghiên cứu đề tài ***“Đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay”*** là cần thiết, có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Ở Việt Nam thời gian gần đây, vấn đề đoàn kết xã hội thu hút sự quan tâm chú ý của các Nhà nghiên cứu. Các nghiên cứu về đoàn kết xã hội ở Việt Nam tập trung vào các hướng chủ yếu sau đây:

- ***Hướng thứ nhất, nghiên cứu cơ sở, vai trò của đoàn kết xã hội và mối quan hệ của nó với vấn đề dân chủ và lý tưởng xã***

hội chủ nghĩa. Chúng tôi điếm qua một số bài báo, công trình tiêu biểu sau:

+ “**Vai trò và cơ sở của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay**”¹. Trong bài viết này, tác giả Phạm Văn Đức đã trình bày một cách khái quát những tư tưởng, quan điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về đoàn kết xã hội; đồng thời, phân tích và luận giải từ góc độ triết học vai trò động lực và cơ sở của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay. Theo tác giả, sự đồng thuận và đoàn kết xã hội là kết quả của việc giải quyết các mâu thuẫn xã hội. Chính sự kết hợp hài hoà các lợi ích xã hội, lợi ích cộng đồng và lợi ích cá nhân là cơ sở quan trọng tạo nên sự đồng thuận và đoàn kết xã hội. Đó cũng là cơ sở cho sự phát triển bền vững của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay.

+ “**Lý tưởng xã hội chủ nghĩa và đại đoàn kết ở Việt Nam**”². Trong bài viết này, tác giả Nguyễn Đình Hòa đã luận chứng để làm rõ hai vấn đề: 1/ Sự hình thành và phát triển lý tưởng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Lý tưởng ấy phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của toàn thể dân tộc, trở thành ngọn cờ tập hợp, kết nối quần chúng nhân dân thành một khối thống nhất đấu tranh vì lợi ích chung; 2/ Đại đoàn kết dân tộc là một giá trị truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, nó đã được nâng lên một chất lượng mới, trở thành phương thức, động lực cơ bản để thực hiện lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Theo tác giả, Việt Nam đã và đang chứng minh cho ý nghĩa to lớn của đại đoàn kết dân tộc với tính cách một giá trị văn hoá trong tiến trình phát triển.

+ “**Đoàn kết dân tộc trên cơ sở đồng thuận xã hội**”³: Trong bài viết này, tác giả Đặng Hữu Toàn cho thấy lịch sử nhân loại nhiều

¹Phạm Văn Đức (2008): *Vai trò và cơ sở của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học, số 1.

² Nguyễn Đình Hòa (2008): *Lý tưởng xã hội chủ nghĩa và đại đoàn kết ở Việt Nam*, Tạp chí Triết học, số 3.

³ Đặng Hữu Toàn (2008): *Đoàn kết dân tộc trên cơ sở đồng thuận xã hội*, Tạp chí Triết học, số 4.

thế kỷ, lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã cho thấy giá trị to lớn, ý nghĩa quyết định của đồng thuận xã hội trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trong bài viết này, sau khi làm rõ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giá trị và ý nghĩa đó của đồng thuận xã hội trong công cuộc đổi mới đất nước, tác giả đã đề xuất và luận giải tính khả thi của một số giải pháp cho việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở tạo dựng và củng cố đồng thuận xã hội. Đó là: 1) Xây dựng một xã hội dân chủ, xã hội công dân; 2) Thường xuyên khơi dậy tinh thần tự tôn dân tộc, quyết tâm chấn hưng đất nước, phát huy tinh thần tự lực tự cường; 3) Phát triển kinh tế thị trường đi đôi với khắc phục những biểu hiện tiêu cực của nó; 4) Nắm vững và vận dụng thành công bài học đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh; 5) Xây dựng Đảng lãnh đạo thật sự trong sạch, vững mạnh, xây dựng một hệ thống chính trị tiên tiến, có hiệu quả và hiệu lực.

+ **“Dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội trong phát triển bền vững”**⁴: Để làm rõ vai trò của dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội trong phát triển bền vững, trong bài viết này, tác giả Hoàng Chí Bảo đã đưa ra và luận giải: 1) Nền tảng văn hoá của phát triển bền vững; 2) Dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội với tư cách những giá trị văn hoá trong phát triển bền vững; 3) Xây dựng và thực hành văn hoá phát triển theo hệ giá trị dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội.

- **Hướng thứ hai, các tác giả tập trung nghiên cứu những điều kiện để đoàn kết dân tộc trong tiến trình lịch sử Việt Nam, dưới lăng kính văn hóa và truyền thống văn hóa Việt:**

+ **“Vấn đề đoàn kết và điều kiện để đoàn kết trong lịch sử”**⁵: Tác giả Nguyễn Tài Thư cho rằng, đoàn kết là một hiện tượng

⁴ Hoàng Chí Bảo (2008): Dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội trong phát triển bền vững, Tạp chí Triết học, số 7.

⁵ Nguyễn Tài Thư (2008): *Vấn đề đoàn kết và điều kiện đoàn kết trong lịch sử*, Tạp chí Triết học, số 2.

nhiều người liên kết thành một khối thống nhất cùng hoạt động vì mục đích chung. Đoàn kết là xu thế tất yếu trong sự phát triển của các cộng đồng người. Cộng đồng nào đoàn kết vượt lên được thì sống, không đoàn kết thì chết, sống được ngoài lý do khác ra thì đoàn kết là một yếu tố quan trọng có tính quyết định. Làm rõ nhận định trên, tác giả phân tích những đặc trưng của sự đoàn kết, từ đó chỉ ra những điều kiện để có sự đoàn kết trong lịch sử dân tộc ta: cá nhân cần đến cộng đồng và cộng đồng cần đến cá nhân – đó là điều kiện tự nhiên, ban đầu và có lợi cho sự đoàn kết của bất cứ cộng đồng nào. Những điều trên đây theo tác giả không phải là tất cả, nhưng là những bài học cơ bản làm nên sự đoàn kết, tạo nên những chiến thắng và thành công.

+ ***“Nghĩ về truyền thống đoàn kết trong văn hóa Việt Nam”*** – tác giả Vũ Trọng Dung; ***“Giá trị văn hóa truyền thống và truyền thống đoàn kết Việt Nam”*** – tác giả Lê Ngọc Anh; ***“Đoàn kết xã hội nhìn từ góc độ truyền thống văn hóa”*** – tác giả Trần Tuấn Phong. Các tác giả cho rằng: Nếu đoàn kết xã hội được hiểu như một tiến trình để tìm đến sự hòa hợp thì rõ ràng rằng cơ sở của sự hòa hợp đấy phải là truyền thống văn hóa. Chỉ có thể dựa vào truyền thống văn hóa, thể hiện trong ethos, Lễ hay Pháp, con người mới phát triển và hoàn thiện mình, mới “thành người” được. Truyền thống văn hóa chính là nền tảng chung mọi người trong một cộng đồng, một xã hội cùng chia sẻ. Và cái nền tảng chung đó là cơ sở quan trọng nhất để liên kết con người với nhau.

Nhìn chung, một số tác giả đã ít nhiều tập trung vào việc làm rõ vị trí và vai trò của đoàn kết xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, đồng thời phân tích những cơ sở và điều kiện của đoàn kết xã hội. Bên cạnh đó, một số tác giả đi tìm cái logic – lịch sử trong truyền thống đoàn kết của dân tộc ta từ xưa đến nay nhằm phản ánh những vấn đề có tính quy luật của đoàn kết xã hội ở Việt Nam trong cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Tuy tất cả mới chỉ dừng lại ở mức độ là những diễn đàn, hội thảo, các bài báo khoa học và trao đổi ý kiến. Chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và

chuyên sâu về đoàn kết xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Để góp phần vào việc tìm hiểu vấn đề đang được quan tâm nghiên cứu, chúng tôi lựa chọn “**Đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay**” làm đề tài nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích: Trên cơ sở trình bày một số vấn đề lý luận và thực trạng thực hiện đoàn kết xã hội ở nước ta hiện nay, luận văn tập trung làm rõ một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy hơn nữa đoàn kết xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ: Để thực hiện mục đích trên, đề tài tập trung vào những nhiệm vụ chính sau đây:

Một là, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đoàn kết, đoàn kết xã hội nhằm làm rõ hơn cơ sở của đoàn kết xã hội.

Hai là, phân tích thực trạng thực hiện đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay và một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường đoàn kết xã hội ở nước ta hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận: Cơ sở lý luận của luận văn là triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, luận văn cũng tham khảo, kế thừa những kết quả nghiên cứu công trình khoa học của một số tác giả (hoặc tập thể tác giả) trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài.

4.2. Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng các phương pháp: phân tích, tổng hợp, so sánh, logic và lịch sử.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

5.1. Đối tượng: Đối tượng nghiên cứu của luận văn là đoàn kết xã hội ở Việt Nam.

5.2. Phạm vi:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ Đại hội VI của Đảng ta đến nay) về đoàn kết xã hội.

- Thực trạng thực hiện đoàn kết xã hội ở Việt Nam từ những năm đổi mới đến nay.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 2 chương, 5 tiết.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐOÀN KẾT XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết xã hội

1.1.1. Vai trò của đoàn kết xã hội

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁶. Đoàn kết không chỉ là một trong những tư tưởng nổi bật của Hồ Chí Minh, mà hơn thế nữa, vượt qua khuôn khổ tư tưởng thuần túy, nó trở thành nguồn sức mạnh, động lực vật chất đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt hơn nửa thế kỷ qua; tư tưởng đoàn kết Hồ Chí Minh đã trở thành chiến lược cách mạng của dân tộc Việt Nam.

Đoàn kết là vấn đề mang tính chiến lược, quyết định sự thành bại của cách mạng. Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi. Điều đó nghĩa là đoàn kết là vấn đề sống còn của cách mạng. *Đoàn kết không chỉ là một phương pháp tập hợp, tổ chức lực lượng cách mạng mà cao hơn, sâu sắc hơn và rộng hơn, bởi đó là vấn đề có tính đường lối; là mục tiêu, động lực và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.* Đoàn kết là một nhu cầu, một đòi hỏi khách quan của chính quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng, do vậy, đoàn kết cũng trở thành một sự nghiệp của quần chúng, vì quần chúng. Đoàn kết dân tộc là đoàn kết toàn dân.

⁶ Hồ Chí Minh (2000): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 12, trang 497.

1.1.2. Nguyên tắc và phương pháp đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh nối tiếp những luận điểm trên nhằm nêu rõ nguyên tắc của đoàn kết là: “Đoàn kết rộng rãi và lâu dài: Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị”⁷. Nguyên tắc rộng rãi thể hiện ở chỗ: Ai có tài, có sức, có đức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ. Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ. Nguyên tắc lâu dài, theo cách nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà ngày nay chúng ta gọi là nguyên tắc chiến lược của đại đoàn kết, theo tư tưởng của Người thể hiện cả ở cơ sở của đại đoàn kết và mục tiêu của đại đoàn kết chính là ở lợi ích dân tộc: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà”.

Hồ Chí Minh nêu ra vấn đề có tính phương pháp luận: đoàn kết trên cơ sở sự thống nhất. Cách giải quyết của Hồ Chí Minh là: tìm kiếm, trân trọng, phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất để khắc chế, giải quyết các yếu tố khác biệt, mâu thuẫn, xung đột giữa các mối quan hệ lợi ích theo phương châm “Cầu đồng, tôn dị”. Theo Hồ Chí Minh, muốn thực hiện đoàn kết trên tinh thần “cầu đồng, tôn dị” thì đoàn kết phải thật sự chân thành, thân ái, thẳng thắn, đoàn kết gắn với phê bình và tự phê bình. Đoàn kết phải thương yêu, thông cảm, vị tha với đồng chí, đồng nghiệp, đồng bào nhưng không có nghĩa là thủ tiêu đấu tranh, dĩ hoà vi quý, gió chiều nào ngả chiều ấy. Phê bình để đoàn kết tốt hơn. Người nói: “Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ, cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn, cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ”⁸.

⁷ Hồ Chí Minh (2000): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 7, trang 438.

⁸ Hồ Chí Minh (2000): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 5, trang 232.

Hồ Chí Minh cho rằng, dân là gốc rễ, là nền tảng của đoàn kết. Người nói: Gốc có vững thì cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, dân là chủ thể của đoàn kết. “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁹. Dân là nguồn sức mạnh vô tận và vô địch của khối đoàn kết, quyết định thắng lợi của cách mạng. *Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*. Dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, của hệ thống chính trị và của cách mạng.

Phương pháp nêu gương: Người cán bộ, đảng viên phải là một tấm gương đoàn kết, một mẫu mực từ lời nói đến việc làm, có sức lôi cuốn, thu phục quần chúng bởi tình cảm trong sáng và tinh thần tận tụy vì dân vì nước.

Phương pháp tuyên truyền giáo dục, vận động quần chúng: Nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp với tâm lý, nguyện vọng chung nhất của dân tộc, phản ánh đúng những nguyện vọng sâu xa và những quyền lợi chủ yếu nhất của từng giai cấp, từng cộng đồng xã hội.

Phương pháp tổ chức tuyên truyền, giáo dục: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị là vấn đề quan trọng nhất trong phương pháp đoàn kết Hồ Chí Minh, bởi muốn xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc thì phải có phương pháp xây dựng, kiện toàn, không ngừng phát triển hệ thống chính trị.

Khái quát lại, phương pháp đoàn kết Hồ Chí Minh nằm ở chỗ, Người nhận thực được và giải quyết khoa học, hiệu quả các mối quan hệ phức tạp chứa những mâu thuẫn biến động, khác nhau, đôi khi đối lập giữa giai cấp với dân tộc; giữa quốc gia với quốc tế; giữa truyền thống với hiện tại. Chính nhờ sự biện chứng trong chiến lược đại đoàn kết dân tộc, chính nhờ sự nắm bắt được cái hồn của nhận thức đấu tranh giai cấp mà Hồ Chí Minh “đã hòa giải khôn ngoan

⁹ Hồ Chí Minh (2000): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 8, trang 276.

những đối kháng về quyền lợi bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định phục vụ tập trung cao nhất cho quyền lợi dân tộc”¹⁰.

1.2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đoàn kết xã hội

1.2.1. Mục tiêu của đoàn kết xã hội

Trong Văn kiện Đại hội X, Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán về đoàn kết xã hội nhằm mục tiêu “giữ vững độc lập thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”¹¹. Mục tiêu đó phản ánh lợi ích, nguyện vọng chung của toàn thể dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện sự tôn trọng mục tiêu riêng, lợi ích riêng của mọi người trong xã hội thuộc các thành phần khác nhau. Mục tiêu chung là phải làm cho nước mạnh lên, điều này thì ai cũng tán thành, nhất trí, mà muốn nước mạnh thì phải làm cho dân giàu, nghĩa là ai cũng có quyền được làm giàu một bằng chính đáng bằng sự nỗ lực, cố gắng phấn đấu của bản thân. Đó là mục tiêu riêng. Do đó, đoàn kết xã hội là sự nghiệp của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo thực hiện mục tiêu là các tổ chức đảng.

1.2.2. Đoàn kết xã hội là động lực của sự phát triển

Tiếp tục kế thừa tư tưởng đoàn kết của Hồ Chí Minh, Đại hội IX của Đảng khẳng định đoàn kết và đại đoàn kết dân tộc “là đường lối chiến lược và là động lực to lớn để xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc”. Đường lối chiến lược đó nhằm “thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù ở trong nước hay ở nước ngoài”¹².

¹⁰ Trần Bạch Đằng (1993): *Tư tưởng Hồ Chí Minh – Sinh khí của một học thuyết*. In trong tập Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 2, trang 58-59.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2001): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 123.

¹² Sđđ, trang 123

Đến Đại hội X của Đảng với chủ đề: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*. Trong đó, tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc được trình bày một cách cô đọng nhất, được đưa vào chủ đề Đại hội và được trình bày trong mục X thuộc Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX với tiêu đề: *Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân*.

1.2.3. Phương hướng thực hiện đoàn kết xã hội

Đoàn kết xã hội là sự nghiệp của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Ngay từ Đại hội VI, khởi đầu công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đã nhận thấy lợi ích chính đáng của quần chúng nhân dân đang đặt nhiều vấn đề cấp bách cần giải quyết, do đó cần phải có chính sách phù hợp với từng đối tượng, cụ thể là đối với giai cấp công nhân, đối với nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, đối với các dân tộc thiểu số và các đồng bào theo tôn giáo cũng như đối với người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài.

Đến Đại hội X, Đảng ta khẳng định Nhà nước và nhân dân cùng nỗ lực phấn đấu cho sự phát triển của đất nước, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội. Việc kết hợp hài hòa về mặt lợi ích giữa các chủ thể sẽ tạo ra động lực quan trọng cho đoàn kết xã hội. Muốn củng cố và phát triển mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, Đảng phải mang lại ngày càng nhiều lợi ích cho nhân dân. Mục đích của Đảng không có gì khác là đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Kinh tế thị trường càng phát triển, các lợi ích ngày càng đa dạng. Đảng lãnh đạo việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích giữa các nhóm xã hội có địa vị khác nhau, trước tiên là những giai cấp, tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội.

Xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục – đào tạo và khoa học- công nghệ. Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi. Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền Nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước. Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Việc tìm hiểu một số quan điểm Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta thấy quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kế thừa và phát triển những quan điểm của Hồ Chí Minh về đoàn kết xã hội. Từ thực tiễn những năm kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là thực tiễn những năm đổi mới, Đảng ta đã đi đến một khẳng định có ý nghĩa quan trọng: *Đại đoàn kết là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

1.3. Nhận thức chung về đoàn kết xã hội

1.3.1. Khái niệm về đoàn kết xã hội

Theo chúng tôi, đoàn kết xã hội là sự thống nhất, liên minh, hợp tác của các thành viên trong xã hội trên cơ sở đồng thuận về những vấn đề cơ bản nhằm đạt được sự đảm bảo về lợi ích chung của cộng đồng cũng như những lợi ích riêng của từng cá nhân. Đoàn kết xã hội là một phạm trù lịch sử, có thể khái quát ở những điểm cơ bản sau:

Một là, đoàn kết xã hội là sự thống nhất, liên minh, hợp tác có mục đích của các thành viên trong cộng đồng.

Hai là, đoàn kết xã hội phải dựa trên cơ sở đồng thuận, nhất trí về những vấn đề cơ bản có liên quan đến các thành viên trong cộng đồng.

Ba là, đoàn kết xã hội phải nhằm đạt được lợi ích chung, đồng thời cũng phải đảm bảo được những lợi ích chính đáng của tất cả các thành viên trong cộng đồng.

1.3.2. Cơ sở của đoàn kết xã hội

1.3.2.1. Sự thống nhất, hài hòa các lợi ích là cơ sở của đoàn kết xã hội

Lợi ích đảm bảo, duy trì sự đoàn kết giữa mọi người trong xã hội. Không có lợi ích thì mọi tư tưởng dù cao siêu đến mấy cũng mất giá trị và tác dụng. *Tư tưởng mà tách rời khỏi lợi ích thì tự nó làm nhục bản thân nó*. C.Mác thời trẻ đã từng phát hiện ra và đó là một tư tưởng thiên tài. Do đó, tự do tư tưởng, giải phóng ý thức tinh thần cũng cần phải được xem xét trên địa bàn của lợi ích: lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích xã hội, trong đó lấy lợi ích chung của cộng đồng - dân tộc làm trung tâm, lấy lợi ích cá nhân làm trọng điểm để tìm ra sự đồng thuận trong chiến lược đoàn kết.

Xét về thực chất, nguồn gốc của mọi mâu thuẫn trong xã hội suy cho cùng đều có nguồn gốc từ những mâu thuẫn giữa các lợi ích. Lợi ích là “động lực trực tiếp thúc đẩy chúng ta hành động để giành lấy nhằm thỏa mãn các nhu cầu của bản thân”¹³. Nhưng trong xã hội cũng như trong mỗi chúng ta không chỉ có một mà còn có vô số các thể lợi ích khác nhau. Sự đa dạng của các lợi ích do sự đa dạng và phong phú của yêu cầu, đòi hỏi mà xã hội quy định. Các lợi ích trong xã hội có khi trùng nhau, mâu thuẫn nhau; do đó, hoạt động của các cá nhân, các tập đoàn người khác nhau theo đuổi các lợi ích ấy sẽ diễn ra theo các xu hướng khác nhau. Kết quả là sự vận động và phát triển của lịch sử, đúng như Ph.Ăngghen khẳng định, là cái mà không do ai muốn cả, *cái khách quan*.

Nếu coi lợi ích là động lực thúc đẩy chúng ta hành động cũng như là động lực làm chúng ta thống nhất, đoàn kết với nhau thì việc giải bài toán làm thế nào có thể quy tụ hoạt động của chúng ta về cùng một hướng nằm ở việc *xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích*. Tùy theo các tiêu chí khác nhau, người ta có thể chia ra thành các loại khác nhau. Căn cứ vào chủ thể các loại lợi ích, phân chia lợi ích

¹³ Phạm Văn Đức – Đặng Hữu Toàn – Trần Văn Đoàn – Ulrich Dornberg (Đồng chủ biên) (2008): *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 421.

thành: lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm (tập thể) và lợi ích xã hội hay lợi ích cá nhân, lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc. Nhưng ngay trong lợi ích cá nhân cũng có thể chia thành lợi ích chính trị, lợi ích kinh tế, lợi ích văn hóa, v.v...

Trong số những lợi ích trên khó có thể nói một cách chung chung lợi ích nào là quan trọng hơn lợi ích nào, tùy vào điều kiện, hoàn cảnh lịch sử kinh tế - xã hội cụ thể của chủ thể mà lợi ích này hay lợi ích kia trở nên cấp bách. Nhưng có thể đối với chủ thể lợi ích là cá nhân thì lợi ích cá nhân bao giờ cũng là quan trọng và cơ bản nhất, còn khi chủ thể lợi ích là cộng đồng, dân tộc thì lợi ích chung của cộng đồng, dân tộc là cơ bản và quan trọng nhất. Còn khi kết hợp giữa chủ thể lợi ích là cá nhân và cộng đồng, xã hội thì bao giờ lợi ích chung, lợi ích thống nhất giữa cá nhân và cộng đồng xã hội luôn phải là trung tâm của mọi hành động. Chẳng hạn, trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia thì không phải là lợi ích cá nhân hay lợi ích giai cấp mà chính là lợi ích dân tộc mới trở nên cấp bách và là động lực để thúc đẩy chúng ta hết mình hành động. Nhiều cá nhân anh dũng đã hy sinh không những lợi ích cá nhân, gia đình mà thậm chí cả mạng sống của chính mình vì sự sinh tồn của dân tộc. Lúc đó lợi ích cá nhân, lợi ích giai cấp nhập làm một (hòa chung cùng) với lợi ích dân tộc và nếu lợi ích dân tộc không được thực hiện (bảo đảm) thì bản thân cá nhân cũng phải chịu tổn hại, chứ nói gì đến vấn đề lợi ích cá nhân hay lợi ích giai cấp. Thành thử trong thời điểm đó, lợi ích dân tộc và lợi ích cá nhân thực chất là một và đó chính là điều kiện để tạo nên sự đồng thuận giữa mọi người trong cộng đồng, làm cơ sở cho đoàn kết xã hội.

Lợi ích cá nhân của người lao động có vai trò làm động lực mạnh mẽ nhất đối trong việc khuyến khích, thúc đẩy con người hành động. Bởi vì những lợi ích cá nhân là những cái đáp ứng nhu cầu cần thiết của bản thân họ. Nếu căn cứ vào lợi ích xã hội và sau đó là lợi ích cộng đồng để đề ra các chủ trương và chính sách phát triển thì trong trường hợp đó, chỉ có những cộng đồng nào mà lợi ích của họ phù hợp với lợi ích xã hội và chỉ có những cá nhân nào mà lợi ích của họ phù hợp với lợi ích của cộng đồng mới tích cực hoạt động, còn các cộng đồng hoặc cá nhân có lợi ích không phù hợp hoặc trái

ngược với lợi ích của xã hội sẽ không phát huy được tính tích cực. Do đó, vấn đề đặt ra là làm thế nào để đảm bảo sự phát triển của xã hội theo định hướng nhất định nhưng vẫn phát huy được tính tích cực của các cá nhân cũng như các cộng đồng xã hội. Nếu xuất phát từ quan điểm mâu thuẫn xã hội, thực chất là những mâu thuẫn giữa các lợi ích và giải quyết mâu thuẫn mới chính là động lực của sự phát triển thì *việc kết hợp hài hòa giữa các lợi ích nhằm đảm bảo lợi ích chung* chính là cơ sở để kích thích cá nhân một cách hợp lý theo hướng vẫn bảo đảm sự phát triển xã hội. Khi lợi ích cá nhân được kết hợp hài hòa với lợi ích cộng đồng và lợi ích xã hội thì bản thân lợi ích cá nhân vẫn trở thành động lực của hoạt động chúng ta nhưng hoạt động đó cũng có tác dụng tốt và có lợi cho việc thực hiện lợi ích của cộng đồng và lợi ích xã hội. Lợi ích xã hội phải trở thành mẫu số chung của lợi ích các cộng đồng, còn lợi ích cộng đồng phải trở thành mẫu số chung cho các lợi ích cá nhân trong cộng đồng đó. Kết quả là vì sự phát triển tiến bộ chung mà bản thân cá nhân người lao động cũng có lợi, cộng đồng cũng có lợi và xã hội cũng có lợi.

Thành thử, nguyên tắc *kết hợp một cách hài hòa giữa các loại lợi ích* biến thành *nguyên tắc các bên cùng có lợi*. Nguyên tắc các bên cùng có lợi dựa trên cơ sở thống nhất về lợi ích tạo thành điều kiện cơ bản và quan trọng nhất cho sự đồng thuận của đoàn kết xã hội.

Công cuộc đổi mới ở Việt Nam trong suốt hơn 20 năm qua mang ý nghĩa lịch sử và đã thu được thành tựu hết sức to lớn trên các lĩnh vực khác nhau, từ kinh tế đến chính trị, xã hội, văn hóa, đối ngoại, v.v.. Một trong những thành tựu quan trọng đó chính là đã phát huy được sức mạnh đoàn kết toàn xã hội và thực sự trở thành động lực chủ yếu cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

1.3.2.2. Đồng thuận xã hội – cơ sở của đoàn kết xã hội

Đồng thuận xã hội là sự đồng tình, nhất trí của đa số thành viên trong xã hội về một vấn đề nào đó trên cơ sở những điểm tương đồng, trong lúc vẫn thừa nhận những điểm còn khác biệt nhưng không làm ảnh hưởng đến mục tiêu chung. Đồng thuận xã hội là điều kiện khách quan cho sự tồn tại của mỗi một hệ thống chính trị - xã hội. Đó là một phương thức tập hợp lực lượng có tính khả thi nhất

trong đời sống chính trị - xã hội của xã hội hiện đại. Sự tập hợp lực lượng đó dựa trên những tiêu chí mà các giai cấp, tầng lớp, các lực lượng xã hội dù có lợi ích khác nhau nhưng vẫn có thể gắn kết ở mức độ nhất định và vẫn bảo tồn được những đặc thù riêng của mình, không bị hòa tan, không biến thành cái khác.

Để phát huy được sức mạnh của đoàn kết xã hội thì cần sự đồng thuận của cả ba yếu tố: cá nhân, tập thể và tổ chức.

Lịch sử nhân loại nhiều thế kỷ, nhất là trong những thế kỷ gần đây có nhiều biến cố lớn, cũng như lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, đã chứng minh một cách hùng hồn rằng, bất cứ một dân tộc nào xây dựng đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận đều chiến thắng không chỉ trong các cuộc chiến tranh chính nghĩa chống xâm lược bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và độc lập dân tộc, mà cả trong những cuộc chiến khác trên các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội trong cả thời chiến lẫn thời bình (hòa bình xây dựng đất nước).

Nhận thức việc xây dựng đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận xã hội là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh tổng hợp, là động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong “Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định một trong những phương hướng cơ bản để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là: “Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ

trên thế giới”¹⁴. Một lần nữa khẳng định phương hướng cơ bản này tại Đại hội X, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội”¹⁵. Điều đó không chỉ cho thấy sự nhất quán trong quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận mà còn cho thấy rõ nguyên tắc nền tảng để xây dựng đoàn kết xã hội đó là: Đoàn kết phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm những lợi ích tối cao của dân tộc, của xã hội và những quyền lợi cơ bản của nhân dân lao động. Bởi lẽ, trong xã hội, dân tộc và quốc tế có rất nhiều mối quan hệ lợi ích chồng chéo: cá nhân và tập thể, gia đình và xã hội, bộ phận và toàn thể, giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế....chỉ khi nhận thức và giải quyết kịp thời, đúng đắn và nhân văn những mối quan hệ lợi ích này mới có thể xây dựng được đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận xã hội.

Thực hiện nguyên tắc nền tảng này đòi hỏi chúng ta phải luôn luôn tìm kiếm, trân trọng và phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất, khắc phục và giải quyết những yếu tố khác biệt, mâu thuẫn. Quan tâm cả những yếu tố tương đồng, thống nhất và cả những khác biệt, mâu thuẫn, nhưng đặc biệt phải quan tâm đến những cái khác biệt, mâu thuẫn để tìm cách giải quyết. Xã hội cần có đoàn kết và phải đoàn kết hơn nữa cũng bởi vì chúng ta còn có những khác biệt và mâu thuẫn.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (1991): *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, trang 10.

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 116-117.

Lợi ích chung của toàn xã hội, đó là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, tự do và dân chủ. Đây cũng chính là lợi ích của mỗi thành viên trong xã hội; là chân lý, là sức mạnh của dân tộc Việt Nam, như Hồ Chí Minh khẳng định: “Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”¹⁶. Đây cũng là ngọn cờ đoàn kết dân tộc, là nguyên tắc bất di bất dịch của cách mạng Việt Nam. Đây còn là nguyên tắc bất biến, là cơ sở để Đảng ta và Hồ Chí Minh tìm ra mẫu số chung của đoàn kết mọi người, mọi thành phần trong xã hội là: *Độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân*.

Những lợi ích chung căn bản của nhân dân lao động được kết tinh trong phạm trù độc lập, tự do, dân chủ và hạnh phúc. Những lợi ích đó được biểu hiện cụ thể trong từng thời kỳ của lịch sử dân tộc, nhưng với Đảng Cộng sản Việt Nam, với Hồ Chí Minh thì độc lập dân tộc bao giờ cũng phải gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân, bởi “nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”¹⁷. Còn đối với những cá nhân với tư cách là những chủ thể lợi ích thì bên cạnh lợi ích riêng của bản thân, họ cũng mang trong mình lợi ích chung của cộng đồng xã hội. Và trong mỗi chủ thể đó thì lợi ích riêng của bản thân và lợi ích chung của cộng đồng xã hội luôn có mối quan hệ biện chứng, đan xen, chuyển hóa hết sức mềm dẻo, linh hoạt. Cụ thể, lợi ích chung đó được biểu hiện một cách cụ thể, đa dạng và hết sức sinh động cùng với toàn bộ hoạt động của họ.

Như vậy, chúng ta muốn mọi người trong xã hội đoàn kết với nhau được, thì điều quan trọng là phải quan tâm đến vấn đề lợi ích, tức là mọi người phải thấy được lợi ích của bản thân mình được bảo đảm trong lợi ích chung của cộng đồng, xã hội. Nếu trong lợi ích chung đó dù có giá trị, cao thượng, lý tưởng và thiêng liêng đến mấy mà các cá nhân không thấy được lợi ích chính đáng của mình ở trong đó thì lợi ích chung đó có nghĩa lý gì và cũng không thể thực hiện được đoàn kết xã hội. Bởi vì, người ta chỉ đoàn kết với nhau khi thấy

¹⁶ Hồ Chí Minh (2000): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 4, trang 246.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2000): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 4, trang 56.

sự đoàn kết đó là có lợi cho bản thân mình – tức là vấn đề lợi ích của chủ thể trong đó phải được xác lập và có cơ sở đảm bảo thực hiện được. Cho nên, cái lợi ở đây rất đa dạng và phong phú, tùy vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người mà ở họ có nhu cầu và lợi ích khác nhau. Lợi ích ở đây không chỉ là lợi ích vật chất kinh tế, mà còn là lợi ích tinh thần (được tôn trọng, danh dự, quyền tự do, bình đẳng giữa mọi người với nhau, sống vì người khác,...). Tất cả những lợi ích đó mà thấy có trong lợi ích chung thì chúng ta – mỗi cá nhân, mỗi tập thể, mỗi cộng đồng sẽ thật thà hết lòng mà đoàn kết vì bản thân, vì cộng đồng và xã hội. Khi đó, đoàn kết xã hội được bền chặt, phát huy hiệu quả, trở thành động lực quan trọng nhất trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Do đó, xây dựng và phát huy đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận, trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhiều lần khẳng định tư tưởng chủ đạo là: *Phải khơi dậy và phát huy tới mức cao nhất sức mạnh dân tộc, đặt lợi ích chung của dân tộc, của đất nước và của con người lên hàng đầu, lấy đó làm cơ sở đồng thuận xã hội để xây dựng các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội*.

Những tư tưởng chủ đạo này đã được thể hiện nhất quán và ngày càng cụ thể hóa trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong những năm đổi mới. *Trước nhất*, về phương diện chính trị, tư tưởng, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương nêu cao ngọn cờ đoàn kết trên cơ sở mở rộng đồng thuận xã hội, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, xóa bỏ mọi thiên kiến, mặc cảm, hận thù trong quá khứ, đoàn kết mọi lực lượng, mọi người Việt Nam trong nước và định cư ở nước ngoài vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đoàn kết xã hội. *Thứ hai*, về kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển lâu dài, xác lập chủ quyền của người lao động trong lĩnh vực kinh tế, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng theo pháp luật, cho phép cả đảng viên làm kinh tế tư nhân; đồng thời thực hiện các chính sách xã hội, như “đền ơn đáp nghĩa”, “xóa đói giảm nghèo”. *Thứ ba*, về đường lối đối ngoại, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng, đa dạng hóa, đa

phương hóa quan hệ đối ngoại theo phương châm “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước vì hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển”.

Nhận thức một cách sâu sắc tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề xây dựng đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận, tháng 1 năm 1993, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết 07/QĐ-TW “Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Tại Đại hội VIII và nhất là tại Đại hội IX và Đại hội X của Đảng, vấn đề xây dựng đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận, lấy phát huy sức mạnh của cả xã hội, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, thực hiện mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng đã được đặt ở một tầm cao mới.

Đoàn kết xã hội ngày càng vững mạnh một khi mức độ của sự đồng thuận trong xã hội không ngừng được củng cố và phát triển. Nó như là sự phát triển của tự ý thức cá nhân về vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội của mình trước người khác và trước cộng đồng. Nó cũng đồng thời là sự phát triển và trưởng thành của xã hội về mặt tổ chức đời sống và quản lý các hoạt động. Do đó, xét trên phương diện xã hội, cả môi trường sống, tức là đời sống hiện thực lẫn cấu trúc tổ chức thể chế, đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận xã hội sẽ xuất hiện ở đâu mà lợi ích và nhu cầu hợp lý của cá nhân được thực hiện, được bảo đảm, và lợi ích chung, quyền lực chung, ý chí chung của cả cộng đồng xã hội được mọi thành viên thống nhất thừa nhận.

Trong bối cảnh và môi trường hội nhập, mỗi dân tộc – quốc gia vừa có thể tiếp thu những nhân tố hợp lý, tiên bộ từ những kinh nghiệm và giá trị về đoàn kết xã hội của các dân tộc – quốc gia khác để *tích cực hóa* và *hiện đại hóa* các giá trị truyền thống của mình trong quá trình phát triển, đồng thời đóng góp vào tình đoàn kết quốc tế vì sự phát triển chung của thế giới nhân loại. Những gì đặc sắc, ưu tú nhất của dân tộc mình đã từng được thử thách qua thời gian và trở thành giá trị được khẳng định. Đoàn kết xã hội tốt thì xã hội ổn định và phát triển bền vững. Mất đoàn kết là mảnh đất tốt dung dưỡng cho tệ nạn xã hội: cho tham nhũng, cho tha hóa của thể chế và quyền lực, trong trường hợp ấy, nhà nước không còn là đại biểu, đại diện cho

quyền lực của nhân dân nữa, nó trở nên xa lạ và chống lại nhân dân trên thực tế, mặc dù nó có thể vẫn nhân danh xã hội và nhân dân trên danh nghĩa với cái vỏ pháp lý hình thức.

Đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận xã hội không chỉ là vấn đề *kinh tế - chính trị* mà còn là vấn đề *đạo đức* và *văn hóa ứng xử* trên cơ sở những tiền đề hiện thực của kinh tế.

Chúng ta thấy để có thể đi đến đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận xã hội – thật thà hiểu nhau, yêu thương nhau thì cần phải xóa bỏ những thành kiến, bài xích và lòng hận thù, xây dựng tình tương thân tương ái, luôn thấm nhuần cách nghĩ “mình vì mọi người và mọi người vì mình” hoặc đừng ghen ghét, đố kỵ, tìm cách hại với những ai hơn mình.

Gắn đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế là một nguyên tắc của Đảng trong tiến trình hiện thực hóa lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, để tiếp tục thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm biến lý tưởng xã hội chủ nghĩa thành hiện thực cuộc sống, Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân không ngừng củng cố và phát huy sức mạnh của đoàn kết xã hội; đồng thời, thường xuyên chăm lo và tăng cường mối quan hệ hợp tác, đoàn kết quốc tế trên tinh thần tôn trọng lợi ích của các dân tộc khác nhằm phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại vì sự phát triển bền vững trong tình hình mới. Với ý nghĩa đó, có thể khẳng định rằng, đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam, là “phương thức huy động một cách khoa học sức mạnh tổng hợp của dân tộc và quốc tế, của truyền thống và hiện đại, của nội lực và ngoại lực để phát triển theo mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh” – hệ giá trị vừa mang tính hiện thực và mang tính nhân văn của lý tưởng XHCN”¹⁸.

Đoàn kết không thể chỉ dựa trên một bộ phận xã hội, mà phải là toàn xã hội theo những nguyên tắc và tổ chức nhất định, cũng như

¹⁸ Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1988): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay* (Thông tin chuyên đề), trang 781-782.

cần xuất phát từ những điều kiện cụ thể để thực hiện sự đoàn kết, thống nhất đó.

Như vậy, đoàn kết xã hội cũng chính là đoàn kết mọi người Việt Nam với nhau nhằm mục tiêu chung *giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Đầu não của sự đoàn kết đó là Đảng Cộng sản Việt Nam, trái tim của sự đoàn kết ấy chính là toàn dân. Nền tảng của sự đoàn kết ấy là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

Chương 2

ĐOÀN KẾT XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY:**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

2.1. Thực trạng thực hiện đoàn kết xã hội ở nước ta hiện nay: một số kết quả, hạn chế và nguyên nhân

2.1.1. Một số kết quả đạt được trong quá trình thực hiện đoàn kết xã hội ở nước ta hiện nay

Một là: Ở Việt Nam hiện nay, nhân dân cả nước cũng như đồng bào Việt Nam ở nước ngoài đoàn kết, ổn định và đồng tình ủng hộ đường lối đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Hai là: Đảng và Nhà nước chủ trương kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, cống hiến với hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội”¹⁹.

Ba là: Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có nhiều đổi mới trong việc đề ra chủ trương, chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... giải quyết các mối quan hệ lợi ích trong xã hội, từng bước đáp ứng yêu cầu của nhân dân nhằm động viên toàn dân đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là: Những năm qua Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã cố gắng thực hiện nhiều chủ trương và biện pháp để củng cố chính quyền, phát huy vai trò quản lý và làm trong sạch bộ máy nhà nước.

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 32.

Năm là: Việc tập hợp quần chúng bằng các tổ chức, các phong trào đã có bước phát triển mới. Vị trí, vai trò và tầm quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tập hợp, vận động khối đại đoàn kết toàn xã hội trong những năm qua đã được khẳng định trong thực tế.

2.1.2. Một số hạn chế, yếu kém trong việc thực hiện đoàn kết xã hội ở nước ta hiện nay

Một là: Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc phát huy đoàn kết xã hội còn mờ nhạt.

Hai là: Tình trạng suy giảm về niềm tin của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Ba là: Kết quả đạt được trong việc thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế.

Bốn là: Cùng với mặt trái từ cơ chế thị trường là sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cá bộ, đảng viên có chức có quyền làm cho nhân dân bất bình, gây mất đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Năm là: Một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn chưa thật sự phù hợp và chưa phản ánh đầy đủ trước những yêu cầu của thực tiễn xã hội.

Sáu là: Vấn đề dân tộc, tôn giáo còn diễn biến phức tạp trong tình hình hiện nay.

Bảy là: Bộ máy và hoạt động của Nhà nước vẫn còn bất cập trước đòi hỏi của nhân dân, việc xây dựng nhà nước pháp quyền chưa gắn với việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhiều cán bộ còn xa dân, không hiểu dân, chưa thể hiện được vai trò là công bộc của dân.

Như vậy, đánh giá thực trạng tình hình thực hiện đoàn kết xã hội trong hơn 16 năm đổi mới vừa qua, như Hội nghị Ban chấp hành TƯ Đảng lần thứ 7 khẳng định: Nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp

nông dân và đội ngũ trí thức đã được mở rộng hơn, nội dung phong phú, đa dạng hơn. Đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, khối đại đoàn kết dân tộc, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân tuy đã được chăm lo củng cố và phát triển, nhưng chưa thật bền chặt và đang đứng trước những thách thức mới. Đó là lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc. Nguyên nhân có phần vì đời sống còn nhiều khó khăn, vì bất bình trước những bất công xã hội, trước tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương, pháp luật nhiều lúc, nhiều nơi bị buông lỏng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi gay gắt; hệ thống chính trị ở cơ sở còn yếu kém về nhiều mặt.

2.1.3. Một số nguyên nhân làm hạn chế việc thực hiện đoàn kết xã hội ở nước ta hiện nay

Những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện đoàn kết xã hội ở nước ta hiện nay là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu:

2.1.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Một là: Những hạn chế trên trước hết là do trước yêu cầu nhiệm vụ và đặc điểm tình hình mới của đất nước và thế giới, tư duy của Đảng và Nhà nước trên một số lĩnh vực còn chậm đổi mới nên chưa kịp thời phân tích đầy đủ những biến đổi trong cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp cũng những mâu thuẫn trong quan hệ xã hội, nhất là mâu thuẫn về mặt lợi ích.

Hai là: Trong điều kiện Đảng cầm quyền, một bộ phận không nhỏ trong cán bộ công chức nhà nước “yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ

trình độ hoàn thành nhiệm vụ”²⁰ nên bị quan liêu hóa, không giữ gìn đạo đức cách mạng, không tận tụy phục vụ nhân dân.

Ba là: Chúng ta thiếu một cơ chế công bằng, công tâm, dân chủ, công khai trong việc sử dụng và đánh giá con người trong các ngành, các cấp, các địa phương. Nhiều người có đức có tài chưa được trọng dụng.

Bốn là: Chính sách và giải pháp nhằm phát huy đoàn kết xã hội của Đảng và Nhà nước chưa đủ mạnh để huy động và tập hợp nhân dân vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Năm là: Trong xã hội, một bộ phận người dân có ý thức chính trị, lập trường tư tưởng thiếu nhất quán, không vững vàng, dễ dao động trước những luồng tư tưởng trái chiều.

Như vậy, những hạn chế yếu kém trong việc phát huy đoàn kết xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay có nhiều nguyên nhân, nhưng cơ bản nhất vẫn là vấn đề mâu thuẫn về lợi ích giữa các chủ thể trong xã hội. Mâu thuẫn về mặt lợi ích không chỉ là cơ bản nhất mà bản thân nó cũng là nguyên nhân sâu xa nhất làm nảy sinh các mâu thuẫn khác giữa các chủ thể trong xã hội. Do đó, các giải pháp nhằm tăng cường đoàn kết xã hội phải coi việc giải quyết vấn đề mâu thuẫn giữa các chủ thể lợi ích là then chốt và có tính quyết định nhất.

2.1.3.2. Nguyên nhân khách quan

Một là: Đó là do sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường dẫn tới nền kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, mất cân đối, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc đã làm thay đổi nhiều thang bậc giá trị về đạo đức, lối sống và nảy sinh tư tưởng cá nhân chủ nghĩa coi nặng lợi ích vật chất, chạy theo lợi nhuận, đồng tiền.

Hai là: Nước ta đang trong quá trình mở cửa, hội nhập với thế giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Chúng

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 66.

ta cũng đã phải chịu những tác động tiêu cực do mặt trái của quá trình này đem lại.

2.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất: Giải quyết tốt các mối quan hệ giữa các chủ thể lợi ích một cách hài hòa, hợp lý theo nguyên tắc các bên cùng có lợi.

Thứ hai: Phát huy đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, của tất cả các giai cấp, tầng lớp.

Thứ ba: Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Thứ tư: Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong các tầng lớp nhân dân, trước hết là phát huy truyền thống nhân nghĩa, khoan dung của dân tộc.

Thứ năm: Trong quá trình phát huy đoàn kết xã hội, cần chú trọng những tầng lớp nhân dân có tính đặc thù, như đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Thứ sáu: Xây dựng đoàn kết xã hội trên cơ sở đồng thuận xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, luôn luôn đòi hỏi chúng ta phải xây dựng được một Đảng lãnh đạo thực sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt.

Thứ bảy: Trong việc phối hợp với Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có sức mạnh và uy tín rất to lớn động viên mọi công dân đóng góp ý kiến đối với các chính sách và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tám: Động viên và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc luôn gắn liền với yêu cầu mở rộng dân chủ và giữ vững kỷ cương trong đời sống xã hội trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

KẾT LUẬN

Ngày nay, đoàn kết xã hội vẫn tiếp tục trở thành động lực quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Đoàn kết xã hội trở thành một vũ khí tổng hợp tạo nên sức mạnh toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần. Bất kỳ một xã hội nào muốn tồn tại, phát triển đều phải chăm lo cái tinh thần của xã hội đó – một nguồn dự trữ vô tận chứa đựng sức mạng đưa con người vươn lên trên nền vật chất của nó. Tinh thần đó chính là đoàn kết xã hội và không ngừng lớn mạnh trên con đường chuyển giao giữa các thế hệ.

Trong đoàn kết xã hội thì lợi ích luôn là vấn đề cơ bản cốt lõi nhất. Việc thành hay bại của đoàn kết chính là nằm ở việc giải quyết các mối quan hệ giữa các chủ thể lợi ích. Nếu chúng ta giải quyết được các mâu thuẫn về mặt lợi ích giữa các chủ thể trên tinh thần đúng đắn, kịp thời và nhân văn thì nó sẽ trở thành động lực quan trọng nhất cho sự phát triển của cả cá nhân, cộng đồng và xã hội. Còn ngược lại, nếu không giải quyết được mâu thuẫn lợi ích giữa các chủ thể thì chúng ta không thể thực hiện được đoàn kết xã hội một cách có hiệu quả và bền vững. Nó không những không trở thành động lực mà ngược lại sẽ tạo ra những lực cản lớn cho sự phát triển của đất nước.

Cơ sở của đoàn kết xã hội là sự đồng thuận, nhất trí giữa các thành viên trong xã hội. Việc giải quyết mâu thuẫn về mặt lợi ích giữa các chủ thể sẽ gây dựng được sự đồng thuận, nhất trí trong xã hội. Các thành viên trong cộng đồng sẽ có được tiếng nói chung, hành động thống nhất khi mà lợi ích của họ được giải quyết. Và ở đó có đoàn kết xã hội.

Trong việc thực hiện đoàn kết có vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu là chính sự mâu thuẫn giữa lợi ích riêng và lợi ích chung mà lợi ích chung, với *danh nghĩa* nào đó đã mang một hình thức độc lập,

tách rời khỏi những lợi ích thực tế của cá nhân và của tập thể, đồng thời cũng mang hình thức của một cộng đồng *hư ảo*, song nó lại luôn luôn dựa trên những mối liên hệ hiện thực tồn tại giữa các chủ thể lợi ích. Chính là vì các cá nhân chỉ theo đuổi lợi ích riêng của mình, – lợi ích mà họ coi là không nhất trí với lợi ích chung, vì nói tóm lại cái phổ biến chỉ là một hình thức *hư ảo* của tính tập thể. – cho nên họ coi lợi ích chung là một cái gì đó “xa lạ” đối với họ, “không phụ thuộc” vào họ, nói một cách khác, nó lại là một thứ lợi ích “phổ biến” riêng biệt và đặc biệt.

Chúng ta không thể đoàn kết thực sự nếu chỉ biết hô hào bằng những ngôn từ bóng bẩy mà không quan tâm đến lợi ích của mọi người. Đối với con người, ý thức về sự tất yếu phải đoàn kết với những người xung quanh đánh dấu bước đầu của ý thức về sự thật là nói chung con người cần có con người với nhau. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về đoàn kết xã hội trở thành kim chỉ nam cho nhận thức và hành động của mỗi chúng ta trong việc thực hiện đoàn kết, gắn bó cùng Đảng và Nhà nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, vững bước đi lên trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở phân tích làm rõ thực trạng thực hiện đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay, bên cạnh những kết quả tích cực đạt được thì vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề gây ảnh hưởng xấu đến đoàn kết xã hội. Từ đó, chúng ta tìm hiểu những nguyên nhân hạn chế trong việc thực hiện đoàn kết xã hội để đưa ra một số giải pháp khắc phục những thiếu sót, hạn chế nhằm phát huy đoàn kết xã hội ở Việt Nam trong tình hình hiện nay. Các giải pháp nhằm phát huy đoàn kết xã hội được đưa ra tập trung vào 3 vấn đề cơ bản là *lợi ích*, *dân chủ* và *công bằng xã hội*. Giải quyết tốt mối quan hệ lợi ích, thực hiện dân chủ rộng rãi và đảm bảo công bằng xã hội – đây là những giải pháp

cơ bản và then chốt nhất để có thể phát huy đoàn kết xã hội ở nước ta hiện nay.

Đoàn kết xã hội không chỉ mang lại những tác dụng to lớn cho xã hội và từng cá nhân mà còn là giá trị văn hóa cộng đồng có tính nhân văn cao cả đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội chúng ta. Phương thuốc chữa trị tận gốc cho những vấn đề tiêu cực nảy sinh trong xã hội ngày nay chỉ có thể là đoàn kết xã hội, bởi vì nó cũng chính là truyền thống văn hóa, dân chủ, công bằng, đạo đức và giáo dục. Những giá trị đó không chỉ là nền tảng tinh thần, mà còn là điểm tựa cho những giá trị vật chất phát huy sức mạnh trong vai trò thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ xã hội.

Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, toàn Đảng, toàn quân, đồng bào trong nước cũng như ở nước ngoài, tiếp tục phát huy truyền thống của Đảng, của dân tộc, nêu cao tinh thần đoàn kết một lòng phấn đấu đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển và vươn lên trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chúng ta nhất định thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, sánh vai cùng các nước trên thế giới.